TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ C** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05-02-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 799/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST– HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST – HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn L, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: Khu phố 2, phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương – Vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Hoàng H, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: Khu phố 2, phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2023, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn L trình bày:

Bà L và ông H có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 60, quyển số 02 cấp ngày 05/01/2010. Hôn nhân giữa bà L và ông Hùng hoàn toàn tự nguyện.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông H thường xuyên uống

rượu về nhà đánh đập, xúc phạm bà L. Vì thương chồng, thương con nên bà L đã nhiều lần tha thứ cho ông H để ông H sửa đổi, hàn gắn tình cảm gia đình nhưng ông H vẫn không thay đổi. Thiết nghĩ mục đích hôn nhân không đạt được, tình nghĩa vợ chồng không còn nên bà L yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Qúa trình sống chung vợ chồng có 03 con chung tên Hoàng T, sinh ngày 22/6/2012; Hoàng T, sinh ngày 09/11/2010. và Hoàng B, sinh ngày 26/01/2015. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Những chứng cứ, tài liệu nguyên đơn đã cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy khai sinh, Giấy xác nhận thông tin về cư trú ngày 27/10/2023.

Đối với bị đơn ông Hoàng H: Ông Hoàng H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, ông H không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt không có lý do. Ông H không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà L và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C tham gia phiên toà:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Hoàng H có địa chỉ thường trú tại khu phố 2, phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương nên theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Hoàng H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng ông H vắng mặt, việc vắng mặt của ông H không vì lý do bất khả kháng. Nguyên đơn bà Nguyễn L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông H tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số số 60, quyển số 02 cấp ngày 05/01/2010. Hôn nhân giữa ông bà L và ông H là hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo L trình bày, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông ông H thường xuyên uống rượu về nhà đánh đập, xúc phạm bà L. Vì thương chồng, thương con nên bà L đã nhiều lần tha thứ cho ông H để ông H sửa đổi, hàn gắn tình cảm gia đình nhưng ông H vẫn không thay đổi và trên thực tế bà và ông H đã sống ly thân với nhau.

Mặt khác, sau khi thụ lý vụ án, Toà án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và nhiều lần triệu tập ông H đến Toà án để hoà giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông H không chấp hành theo giấy triệu tập, không có mặt tại Toà án. Qua đó cho thấy ông H không có thiện chí hoà giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến bà L, hôn nhân giữa bà L và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó nguyên đơn bà Nguyễn L yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông ông Hoàng H là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Qúa trình sống chung vợ chồng có 03 con chung tên Hoàng T, sinh ngày 22/6/2012; Hoàng T, sinh ngày 09/11/2010 và Hoàng B, sinh ngày 26/01/2015. Khi ly hôn bà L yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Xét thấy, các cháu T, T và B trong thời gian cha mẹ không chung sống với nhau, cháu T, T và B được bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặt khác tại các bản tự khai nguyện vọng của cháu T, T và B cũng mong muốn sống cùng với mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mặt tâm lý cũng như chỗ ở, sinh hoạt của cháu, xét yêu cầu nuôi con của bà L về quyền nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

Ông H được quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà L và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông H trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L yêu cầu ly hôn với ông H, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch. Theo khoản 1 Điều 6; điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà L phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn L với bị đơn ông Hoàng H về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn L được ly hôn với ông Hoàng H.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số số 60, quyển số 02 cấp ngày 05/01/2010 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình cấp cho ông Hoàng H và bà Nguyễn L không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Hoàng T, sinh ngày 22/6/2012; Hoàng T, sinh ngày 09/11/2010 và Hoàng B, sinh ngày 26/01/2015. Ông Hoàng H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Hoàng H được quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà Nguyễn L và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông H trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ này.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm án phí số AA/2021/0012547 ngày 07/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Hoa